

Số: 44A/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 4 năm 1985

QUYẾT ĐỊNH

V/v phân bố chỉ tiêu huy động và phân phối sử dụng ngày công lao động XHCN năm 1985

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân đã được Quốc hội thông qua ngày 30-6-1983;
- Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-UB ngày 21-12-1984 của Ủy ban Nhân dân thành phố về việc quy định và sử dụng ngày công lao động xã hội chủ nghĩa năm 1985;
- Theo đề nghị của đồng chí Giám đốc Sở Lao động và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các quận, huyện;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Nay ban hành kèm theo quyết định này bản kế hoạch huy động và phân phối sử dụng ngày công lao động XHCN thành phố năm 1985 (biểu 1) và bản kế hoạch huy động lao động XHCN cho các công trình thành phố quản lý năm 1985 (biểu 2)

Điều 2.- Ủy ban Nhân dân các quận huyện chỉ đạo thực hiện triệt để nguyên tắc đóng góp lao động nghĩa vụ bằng ngày công lao động trực tiếp như đã quy định ở phần I của quy định về huy động và sử dụng ngày công lao động xã hội chủ nghĩa năm 1985 ban hành kèm theo quyết định số 316/QĐ-UB ngày 21-12-1984 của Ủy ban Nhân dân thành phố.

Điều 3.- Đối với số ngày công đóng góp bằng tiền thay công trực tiếp, Ủy ban Nhân dân các quận huyện có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thu theo quy định và hoàn thành kế hoạch trích nộp vào ngân sách thành phố trước ngày 30.9.1985 và hoàn thành toàn bộ kế hoạch huy động lao động xã hội chủ nghĩa trước ngày 31-10-1985.

Điều 4.- Các đồng chí Chánh Văn phòng UBND thành phố, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch thành phố, Giám đốc Sở Lao động, Sở Tài chính, Chủ tịch UBND các Quận, Huyện, Thủ trưởng các Sở Ban Ngành chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

KT/CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Võ Danh

**KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG VÀ PHÂN PHỐI SỬ DỤNG NGÀY CÔNG LAO ĐỘNG
XHCN THÀNH PHỐ NĂM 1985
(Kèm theo Quyết định số 44/QĐ-UB ngày 6-4-1985 của UBND thành phố)**

BIỂU 1

QUẬN HUYỆN	Tổng số công/Q.H phải huy động trong năm (công)	TRÍCH 4% THEO TỶ LỆ QUY ĐỊNH					KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG NĂM 1985 (sau khi trừ 4%)					
		Số công	Quy thành tiền phải nộp (đồng)	Chia ra sử dụng			Phần Q.H phải huy động bằng tiền về N/S T.P		Phần huy động do quận, huyện, phường, xã trực tiếp quản lý sử dụng			
				0,5% nộp Sở lao động (đồng)	1,5% nộp Quận, Huyện (đồng)	Dành cho phường xã (đồng)	Số công (Quận.30% Huyện.15%)	Q.H phải trích nộp bằng tiền (đồng)	Số công	Giá trị bằng tiền quỹ công thuộc Q.H sử dụng	Trong đó kế hoạch	
A	1=2+7+9	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9=11+12	10	11	12
Nội thành	9.704.276	387.400	7.601.000	945.000	2.855.000		2.693.000	52.800.000	6.623.876	129.960.000	115.000	6.508.876
Quận 1	839.580	33.500	670.000	83.000	252.000		241.000	4.820.000	565.080	11.300.000	X	565.080
3	842.680	33.700	674.000	84.000	253.000		242.000	4.840.000	566.980	11.330.000	X	566.980
4	644.295	25.700	514.000	64.000	193.000		185.000	3.700.000	433.595	83670.000	X	433.595
5	917.287	36.600	732.000	91.000	275.000		264.000	5.280.000	616.687	12.330.000	X	616.687
6	810.946	32.400	648.000	81.000	243.000		233.000	4.660.000	545.546	10.900.000	X	545.546
8	849.660	33.900	678.000	84.000	255.000		244.000	4.880.000	571.760	11.430.000	45.000	526.760
10	887.449	35.400	708.000	88.000	266.000		160.000	3.200.000	692.049	13.840.000	X	692.049
11	879.825	35.100	702.000	87.000	264.000		253.000	5.060.000	591.725	11.830.000	X	591.725
Gò Vấp	584.694	23.300	466.000	58.000	175.000		168.000	3.360.000	393.394	7.860.000	40.000	353.394
Tân Bình	895.695	35.800	644.000	80.000	242.000		257.000	4.620.000	602.895	10.850.000	30.000	572.895
Bình Thạnh	930.985	37.200	669.000	83.000	251.000		268.000	4.820.000	625.785	11.260.000	X	625.785
Phú Nhuận	621.180	24.800	496.000	62.000	186.000		178.000	3.560.000	418.380	8.360.000	X	418.380
Ngoại thành	3.400.374	136.300	2.634.000	317.000	1.033.000		487.000	9.413.000	2.777.074	69.390.000	1.080.000	1.697.074
Củ Chi	625.695	25.000	500.000	62.000	188.000		90.000	1.800.000	510.695	12.760.000	195.000	815.695
Hóc Môn	772.110	30.800	554.000	67.000	210.000		111.000	1.990.000	630.310	15.750.000	110.000	520.310
Thủ Đức	804.885	32.000	640.000	80.000	240.000		115.000	2.300.000	657.885	16.440.000	80.000	577.885
Bình Chánh	677.544	27.000	540.000	67.000	203.000		97.000	1.940.000	553.544	13.830.000	360.000	193.544
Nhà Bè	354.480	14.000	267.000	33.000	100.000		51.000	969.000	289.380	7.230.000	230.000	59.380
Duyên Hải	165.660	7.400	133.000	8.000	92.000		23.000	414.000	135.260	3.380.000	105.000	30.260
TỔNG CỘNG	13.104.650 công	523.700 công	10.235.000 Đồng	1.262.000 Đồng	3.880.000 Đồng		3.180.000 công	62.213.000 Đồng	9.400.950 công	199.350.000 Đồng	1.995.000 Đồng	8.205.950 công

GHI CHÚ:

- (Cột 11) Phần này do Quận Huyện và Sở Thuỷ lợi có kế hoạch tổ chức sử dụng.
- (Cột 12) Phần này do UBND Quận Huyện trực tiếp quản lý duyệt kế hoạch và tổ chức huy động cho các công trình của Quận, Huyện và phường xã theo quy định số 316/QĐ-UB ngày 23-12-1984 của UBND Thành phố.

**KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG LAO ĐỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CHO
CÁC CÔNG TRÌNH THÀNH PHỐ QUẢN LÝ NĂM 1986**
(Kèm theo Quyết định số 44/QĐ-UB ngày 6-4-1985 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

BIỂU 2

TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	Tổng số ngày công cần huy động cho công trình	Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện	KẾT HOẠCH HUY ĐỘNG LAO ĐỘNG XHCN				Thời gian hoàn thành	GHI CHÚ
				Số ngày công phải huy động		Giá trị tiền thay công (đồng)			
				Quận, Huyện (công)	Phân ngân sách thành phố (đồng)	Quận, Huyện (đồng)			
A	1	2=4+5	3	4	5	6	7	8	9
I- Các công trình thủy lợi do T.P trực tiếp quản lý		1.230.000			405.000	16.500.000	10.100.000		
1) Xây dựng hệ thống thủy nông kinh đông Dầu Tiếng Củ Chi.	Huyện Củ Chi	1.000.000	- Ngân sách T.P - Huyện Củ Chi		405.000	11.900.000	10.000.000	30-9-1985	
2) Trạm bơm Tân Thới Nhi	Hóc Môn	75.000				1.500.000		»	
3) Trạm bơm Ba Gia	Củ Chi	110.000	Ngân sách T.P			2.200.000		»	
4) Trạm bơm Long Trường	Thủ Đức	12.000				240.000		»	
5) Vùng rau chuyên canh	Tân Bình	33.000				660.000		»	
II- Xây dựng đường Nhà Bè, Duyên Hải	Huyện Duyên Hải	800.000	- Ngân sách T.P			16.000.000		»	
III- Xây dựng Đài liệt sĩ T.P		150.000	- Ngân sách T.P			3.000.000		30-11-1985	
IV- Xây dựng Công viên T.P	Quận 1 giáp quận 3	400.000			130.000	5.400.000	2.600.000	»	
1) Cải tạo Ga Sài Gòn		140.000	- Ngân sách T.P - Quận 1 - Quận 3		30.000 20.000	1.800.000	600.000 400.000	» »	
2) Công viên Gia Định	Quận Phú Nhuận giáp quận Gò Vấp	260.000	- Ngân sách T.P - Quận Phú Nhuận - Quận Gò Vấp		40.000 40.000	3.600.000	800.000 800.000	» »	
V- Xây dựng trường, lớp đào tạo nghề cho Thanh niên (các công trình T.P đầu tư)		250.000	- Ngân sách T.P			5.000.000		30-12-1985	
VI- Xây dựng nhà ở cho dân đi làm cao su các tỉnh và	Tỉnh Sông Bé	500.000	- Ngân sách T.P			10.000.000		»	

các nông trường ngoại thành.									
TỔNG CỘNG		3.300.000 công			535.000 công	55.900.000 đồng	12.700.000 đồng		

Ghi chú:

+ Tổng cộng quỹ tiền lao động xã hội chủ nghĩa thuộc Ngân sách thành phố đã cân đối chi cho các công trình là 2.885.000 công (bằng 57 triệu 7 đồng) (trong đó tính cả phần 15% của Huyện Củ Chi bằng 90.000 công + 2.795.000 công) theo quy định phải huy động cho Ngân sách thành phố, nhưng thành phố cân đối để huyện (355.000 công + 90.000 công = 405.000 công theo biểu trên) huy động làm công trình Kinh đông Dầu Tiếng Củ Chi, Như vậy, phần Ngân sách thành phố sẽ còn lại là 290.000 công (3.180.000 công – 2.885.000 công) bằng 4,5 triệu đồng dự phòng cho các công trình có kế hoạch đột xuất trong năm.

+ Theo kế hoạch huy động cho công trình thành phố sẽ có 05 Quận, Huyện: Củ Chi, quận 1, 3, Phú Nhuận, Gò Vấp phải huy động thêm phần quỹ ngày công thuộc quận, huyện quản lý (ngoài phần giải trích nộp theo tỷ lệ 30%) để đóng góp hỗ trợ cho một số công trình, tổng cộng 445.000 công (535.000 công – 90.000 công của Huyện Củ Chi thuộc Ngân sách thành phố) vì các công trình nằm trên địa bàn quận, huyện phục vụ trực tiếp địa phương.

